TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: "Tranh chấp di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Tùng

Bà Hoàng Thị Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số Dân sự số 30/2022/TLST-DS ngày 06/10/2022 về việc tranh chấp "Di sản thừa kế".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm: 1949; cư trú tại số 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Hoàng S, sinh năm: 1961; cư trú tại số 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Quang Tr, sinh năm: 1947; địa chỉ: số 63, chợ T, ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Thị M, sinh năm: 1949; cư trú tại số 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B xác nhận ngày 08/10/2019), có mặt.

2/ Bà Trương Thị Kh, sinh năm: 1955; cư trú tại số 62, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1957; cư trú tại số 72/8, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

4/ Ông Vũ Quang M, sinh năm: 1955; cư trú tại số 64, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

5/ Bà Vũ Thị Tuyết S, sinh năm: 1957; cư trú tại số 56, đường Trần Nguyên Đán, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh L, có mặt.

6/ Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

7/ Anh Vũ Nhật Tr, sinh năm: 1980; cư trú tại số 72/10, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh L xác nhận ngày 03/9/2019), có mặt.

8/ Anh Vũ Tuấn A, sinh năm: 1993; cư trú tại số 970D, Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L (Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh L xác nhận ngày 03/9/2019), có mặt.

9/ Chị Vũ Thị Yến L, sinh năm: 1977; địa chỉ: 17, Esskine Street, Riverwood NSW 2210, Australia, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6439, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thị Q chứng thực ngày 22/7/2022), có mặt.

10/ Chị Vũ Thụy Ngọc Ng, sinh năm: 1983; địa chỉ: 166, Wenxin Street, Chiagi (600), Taiwan, R.O.C, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6440, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thị Q chứng thực ngày 22/7/2022), có mặt.

11/ Chị Vũ Thụy Ngọc Ch, sinh năm: 1983; địa chỉ: 1719, Leveriza Street, Lasay City, Metro Manila, Philippines, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản

ủy quyền số 6437, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thị Q chứng thực ngày 22/7/2022), có mặt.

12/ Chị Vũ Ngọc Thảo V, sinh năm: 1996; địa chỉ: 1F, 4th Floor, No.2, Lane 1, Liyuan Second Street, Linkou District, New Taipei City, Taiwan, R.O.C, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vũ Minh T; sinh năm: 1978; cư trú tại số 72/6, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6438, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thị Q chứng thực ngày 22/7/2022), có mặt.

13/ Vợ chồng ông Vũ Trọng H, sinh năm: 1962, bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1968; cư trú tại số 48, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, vắng mặt.

14/ Anh Vũ Đức D, sinh năm: 1980, có mặt.

15/ Chị Vũ Thị Diễm Th, sinh năm: 1978, vắng mặt.

16/ Chị Vũ Thị Thúy V, sinh năm: 1984, vắng mặt.

17/ Anh Vũ Huy H, sinh năm: 1990, vắng mặt.

18/ Anh Vũ Nhật Kh, sinh năm: 1993, vắng mặt.

Cùng cư trú tại số 62, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của chị Th, anh Kh, anh H, chị V: Anh Vũ Đức D, sinh năm: 1980, cư trú tại số 62A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1735, quyển số 02/2023/TP-CC/SCC-HĐGD do Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 23/3/2023), có mặt.

19/ Bà Trần Thị H, sinh năm: 1970, có mặt.

20/ Anh Vũ Trường Th, sinh năm: 1991, có mặt.

21/ Chị Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm: 1992, có mặt.

22/ Anh Vũ Kim Ph, sinh năm: 1995, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hằng, anh Thanh, chị Phụng: Ông Vũ Hoàng S, sinh năm: 1961; cư trú tại số 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 443, quyển số 01/SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn B chứng thực ngày 22/3/2023), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của Bà Vũ Thị M thì: Cha, mẹ bà là cụ Vũ Văn M, sinh năm: 1919, chết năm: 1987 và cụ Nguyễn Thị S, sinh năm: 1922, chết năm: 2010. Quá trình chung sống cụ M, cụ S có được 07 người con bao gồm: bà M; Ông

Võ Quang Tr; ông Vũ Quang Tr (sinh năm: 1951, chết ngày 12/10/1993), có vợ là Bà Trương Thị Kh, có con gồm bà Vũ Thị Diễm Th, ông Vũ Đức D, bà Vũ Thị Thúy V, ông Vũ Huy H, ông Vũ Nhật Kh; ông Vũ Quang M (sinh năm: 1953, chết ngày 10/01/2002), có vợ là Bà Nguyễn Thị L, có con là Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Anh Vũ Nhật Tr, chị Vũ Thị Ngọc Ng, chị Vũ Thị Ngọc Ch, Anh Vũ Tuấn A, Chị Vũ Ngọc Thảo V; Ông Vũ Quang M; Bà Vũ Thị Tuyết S; Ông Vũ Hoàng S.

Quá trình chung sống cụ M, cụ S có tạo lập được khối tài sản là căn nhà có diện tích 170m^2, được xây dựng từ năm 1973 trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp (tổng diện tích đất đo đạc thực tế là 1.514,9m^2), thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L; đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng vì chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước nên chưa nhận được Giấy chứng nhận; đất do cụ M, cụ S tự khai phá. Sau khi cụ M, cụ S chết thì tài sản trên do bà và em trai là Ông Vũ Hoàng S quản lý và sử dụng. Khi còn sống, nguyện vọng của cụ M, cụ S là phân chia cho bà M 06m mặt đường T, ông Vũ Quang M 04m mặt đường T, Ông Vũ Hoàng S 06m mặt đường T. Từ khi cụ M, cụ S qua đời cho đến nay mặc dù nhiều lần bà yêu cầu ông S và các anh chị em còn lại phân chia tài sản trên theo nguyện vọng của mẹ bà nhưng ông S không đồng ý.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể khối tài sản nói trên được chia cho 07 phần bằng nhau, trong đó xem xét đến công sức tôn tạo của bà vì bà sống với cha, mẹ từ khi còn nhỏ cho đến nay, hiện nay bà cũng là người quản lý, sử dụng khối tài sản này.

Bà M đưa ra phương án thỏa thuận cụ thể như sau: Theo hiện trạng thỏa thuận phân chia thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện thì bà nhận diện tích đất vị trí số 1b, 3 và 5 trên họa đồ đo đạc; ông S nhận phần đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 trên họa đồ đo đạc. Vị trí số 2; 1a trên họa đồ đo đạc thống nhất đồng sử dụng, thống nhất để bà Lâm, ông M đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo lời trình bày của Ông Vũ Hoàng S thì: Diện tích nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L có nguồn gốc là của cha, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị S đứng tên, hiện nay ông và bà M đang quản lý, sử dụng. Khi cha, mẹ còn sống thì đã chia cho ông và bà M. Cha của ông là cụ M đã qua đời năm 1987, trước khi chết cụ M vẫn còn minh mẫn để phân chia quyền sử dụng đất cho ông và bà M. Căn nhà gia đình ông đang ở thì bà M sử dụng ½ và gia đình ông sử dụng ½, căn nhà bếp có vách ngăn và chia đôi mỗi bên ½ để sinh hoạt, có di chúc viết tay của cha của ông là cụ Vũ Văn M để lại. Bà M đã xác nhận do cha của ông viết và đọc cho các chị, em trong gia đình nghe, sau khi cụ M chết thì cụ Sáng là chủ hộ, hiện tại cụ Sáng đã kê khai toàn bộ diện tích đất nói trên nhưng do chưa thực hiện

nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước nên chưa hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đồng ý với di chúc của cụ M để lại. Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ông S thống nhất phương án thỏa thuận với bà M, cụ thể như sau: Theo hiện trạng thỏa thuận phân chia thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện thì bà M nhận diện tích đất vị trí số 1b, 3 và 5 trên họa đồ đo đạc. Ông S nhận phần đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 trên họa đồ đo đạc. Vị trí số 02; 01a trên họa đồ đo đạc thống nhất đồng sử dụng, thống nhất để bà Lâm, ông M đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Vũ Thị Tuyết S thống nhất về hàng và diện thừa kế như bà M, ông S trình bày. Về di sản thừa kế của cha, mẹ thì đã phân chia cho các anh, chị, em trong gia đình, bà đã nhận đầy đủ. Hiện nay nhà và quyền sử dụng đất ông S, bà M đang sử dụng thì cha, mẹ đã phân chia mỗi người ½ theo di chúc của cha bà để lại, bà không có yêu cầu và tranh chấp gì đối với vị trí số 1b, 1c, 3, 4, 5, 6 là các vị trí đất mà ông S và bà M đã thống nhất được mỗi người ½ diện tích đất nói trên.

Đối với diện tích đất 112,7m^2 (vị trí số 2 trên họa đồ đo đạc) và diện tích 32,4m^2 (vị trí 1a trên họa đồ đo đạc). Hiện nay các thành viên trong gia đình đã thống nhất mỗi người nhận 1/7 kỷ phần thừa kế, thống nhất để bà Lâm, ông M đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không yêu cầu Tòa án giải thụ lý đơn yêu cầu độc lập của bà.

- Ông Vũ Quang M thống nhất về hàng và diện thừa kế như bà M, ông S trình bày. Về di sản thừa kế của cha, mẹ thì đã phân chia cho các anh chị em trong gia đình, ông đã nhận đầy đủ. Hiện nay nhà và đất ông S, bà M đang sử dụng thì cha, mẹ đã phân chia mỗi người ½ diện tích nhà đất nói trên theo di chúc của cha để lại, ông không có yêu cầu và tranh chấp gì đối với phần diện tích đất mà ông S, bà M đã thống nhất theo di chúc của cha để lại. Ông đại diện cho 07 người yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất 112,7m^2 (vị trí số 02 trên họa đồ đo đạc) và diện tích 32,4m^2 (vị trí 1a trên họa đồ đo đạc) là tài sản đồng sử dụng của 07 người gồm ông S, bà M, ông Tr, ông M, bà Kh, bà L, bà S.

Thống nhất mỗi người nhận 1/7 kỷ phần thừa kế, thống nhất để bà Lâm, ông đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo lời trình bày của Ông Võ Quang Tr, do Bà Vũ Thị M là người đại diện theo ủy quyền, thì: Về hàng và diện thừa kế thì ông thống nhất. Trước khi chết, cha, mẹ ông đã để lại căn nhà có diện tích 170m^2 được xây dựng từ năm 1973 được xây dựng trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất 395, tờ bản đồ 2, đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng vì chưa làm nghĩa vụ tài chính với nhà nước nên chưa được nhận Giấy

chứng nhận. Nguồn gốc đất do cha, mẹ ông tự khai phá năm 1963. Hiện nay diện tích nhà đất trên do em gái Vũ Thị M và em trai là ông Vũ Hoàng S trực tiếp quản lý và sử dụng. Khi còn sống, nguyện vọng của mẹ ông là: phân chia cho bà Vũ Thị M 06m mặt đường T, ông Vũ Quang M 04m mặt đường T, ông Vũ Hoàng S 06m mặt đường Trần Phú. Nhưng từ khi mẹ ông qua đời cho đến nay mặc dù nhiều lần em gái ông là bà Vũ Thị M yêu cầu ông S và các anh chị em còn lại phân chia tài sản trên theo nguyện vọng của mẹ ông nhưng ông S không đồng ý. Hiện nay ông Vũ Hoàng S, vợ Trần Thị H, hai người con Vũ Trường Th và Vũ Kim Ph cùng ở trên căn nhà 50, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Ông không đồng ý với bản Di chúc mà ông Vũ Hoàng S đã nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh L, vì đây không phải là di chúc hợp pháp.

Ông Triệu thống nhất phương án thỏa thuận giữa bà M và ông S, không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của Bà Nguyễn Thị L thì: Cha, mẹ chồng của bà là cụ Vũ Văn M và cụ Nguyễn Thị S chung sống với nhau từ năm 1945 có được 07 người con chung như bà M trình bày. Bà là vợ của ông Vũ Quang M, sinh năm: 1953, chết ngày 10/01/2002, khi qua đời chồng bà không để lại di chúc. Cha chồng của bà mất năm 1987, mẹ chồng bà mất năm 2010. Khi mẹ chồng bà qua đời có để lại cho các anh chị em trong gia đình tài sản như sau: Một căn nhà có diện tích 170m^2, được xây dựng từ năm 1973 được xây dựng trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất 395, tờ bản đồ 2, đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng vì chưa làm nghĩa vụ tài chính với nhà nước nên chưa nhận được Giấy chứng nhận. Nguồn gốc đất do cha, mẹ chồng bà tự khai phá năm 1963. Hiện nay tài sản trên do chị chồng là Bà Vũ Thị M và em chồng là ông Vũ Hoàng S trực tiếp quản lý và sử dụng. Khi còn sống, nguyện vọng của mẹ chồng bà là phân chia cho bà Vũ Thị M 06m mặt đường T, ông Vũ Quang M 04m mặt đường T, ông Vũ Hoàng S 06m mặt đường Trần Phú.

Nay bà thống nhất với phương án thỏa thuận của ông S và bà M, bà không tranh chấp gì đối với phần nhà đất ông S, bà M đã thống nhất mỗi bên ½. Bà đại diện cho 07 người yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất 112,7m^2 (vị trí số 02 trên họa đồ đo đạc), 1a diện tích 32,4m^2 là tài sản đồng sử dụng của 07 người gồm ông S, bà M, ông Tr, ông M, bà Kh, bà L, bà S. Thống nhất mỗi người nhận 1/7 kỷ phần thừa kế, thống nhất để bà Lâm, ông M đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo lời trình bày của Anh Vũ Minh T, chị Vũ Yến Ly, Anh Vũ Nhật Tr, Chị Vũ Thụy Ngọc Ng, Chị Vũ Thụy Ngọc Ch, Anh Vũ Tuấn A, Chị Vũ Ngọc Thảo V, do Anh Vũ Minh T là người đại diện theo ủy quyền, thì: các anh, chị là con của ông Vũ Quang M (sinh năm: 1953, chết 10/01/2002), khi qua đời ông M không để lại di

chúc, mẹ tên là Nguyễn Thị L, có các con gồm: chị Vũ Yến Ly, Anh Vũ Minh T, Anh Vũ Nhật Tr, Chị Vũ Thụy Ngọc Ng, Chị Vũ Thụy Ngọc Ch, anh Vũ Anh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V; các anh, chị thống nhất về diện, hàng thừa kế và tài sản tranh chấp như ông S, bà M đã trình bày; đồng ý với ý kiến của bà Lâm, không tranh chấp gì về di sản thừa kế vì đã thống nhất được toàn bộ.

- Bà Trương Thị Kh thống nhất về hàng, diện thừa kế, tài sản của cha, mẹ như bà M, ông S trình bày; thống nhất với phương án thỏa thuận của ông S và bà M, bà không tranh chấp gì đối với phần nhà, quyền sử dụng đất mà ông S, bà M đã thống nhất chia mỗi bên là ½. Bà đại diện cho 07 người yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất 112,7m^2 (vị trí số 02 trên họa đồ đo đạc) và lô đất thuộc vị trí 1a có diện tích 32,4m^2 là tài sản đồng sử dụng của 07 người gồm ông S, bà M, ông Tr, ông M, bà Kh, bà L, bà S. Thống nhất mỗi người nhận 1/7 kỷ phần thừa kế và để bà Lâm, ông M đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Theo lời trình bày của Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Nhật Kh, Anh Vũ Huy H, Chị Vũ Thị Thúy V, do Anh Vũ Đức D, người đại diện theo ủy quyền, thì: Các anh, chị là con của ông Trung (đã chết), bà Kh, thống nhất về hàng, diện thừa kế, tài sản bà M và ông S đã trình bày, các anh chị em trong gia đình thống nhất với ý kiến của bà Kh, không tranh chấp và không yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Các đương sự thống nhất giao cho ông S, bà M sử dụng diện tích đất vị trí số 1b, 3 và 5 trên họa đồ đo đạc do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện, tổng diện tích là 646,4m^2 (trong đó có 10,3m^2 đất thuộc lộ giới). Ông S nhận phần đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 trên họa đồ đo đạc, tổng diện tích là 723,4m^2. Phần chênh lệch ông S và bà M không tranh chấp gì, vị nào của ai người đó nhận theo họa đồ đo đạc đã thể hiện.

Bà Trương Thị Kh, Bà Nguyễn Thị L, Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Võ Quang Tr, do bà M đại diện theo ủy quyền, Anh Vũ Đức D thống nhất về diện tích nhà và quyền sử dụng đất mà ông S, bà M đã thống nhất, không tranh chấp và không yêu cầu gì đối với phần đất này.

Đối với phần đất có diện tích là 112,7m^2 (vị trí số 2) và 32,4m^2 (vị trí số 1a) theo họa đồ đo đạc do Công ty An Thịnh Lâm Đồng thực hiện thì các đương sự thỏa thuận như sau: Do vị trí đất này không đủ diện tích đất để tách thửa riêng biệt theo quy định nên thống nhất giao toàn bộ diện tích đất này cho bà M quản lý, sử dụng và bà M có trách nhiệm thanh toán giá trị theo giá thị trường cho các đồng thừa kế khác, các nội dung khác thống nhất như đã thỏa thuận.

Bà M và ông S thống nhất mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của Bà Vũ Thị M, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Bà Vũ Thị M khởi kiện, Ông Vũ Quang M, Bà Nguyễn Thị L có yêu cầu độc lập; yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cha, mẹ là cụ ông Vũ Văn M và cụ bà Nguyễn Thị S để lại gồm căn nhà có diện tích 170m^2, được xây dựng từ năm 1973 trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp (tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.514,9m^2), thuộc thửa đất 395, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L.

Do vậy có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp di sản thừa kế" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do hiện nay Chị Vũ Thị Yến L, Chị Vũ Thụy Ngọc Ng, Chị Vũ Thụy Ngọc Ch, Chị Vũ Ngọc Thảo V hiện đang cư trú ở nước ngoài nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do tại phiên tòa hôm nay vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận mà ban hành Bản án án để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hàng thừa kế:

Cụ ông Vũ Văn M, sinh năm: 1919, chết năm: 1987 và cụ bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1922, chết năm 2010 là vợ chồng. Quá trình chung chung sống cụ M, cụ S có những người con chung gồm: Bà Vũ Thị M, Ông Võ Quang Tr, ông Vũ Quang Tr (sinh năm: 1951, chết ngày 12/10/1993), có vợ là Bà Trương Thị Kh, có con gồm bà Vũ Thị Diễm Th, ông Vũ Đức D, bà Vũ Thị Thúy V, ông Vũ Huy H, ông Vũ Nhật Kh; ông Vũ Quang M (sinh năm: 1953, chết ngày 10/01/2002), có vợ là Bà Nguyễn Thị L, có con là Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Anh Vũ Nhật Tr, chị Vũ Thị Ngọc Ng, chị Vũ Thị Ngọc Ch, Anh Vũ Tuấn A, Chị Vũ Ngọc Thảo V; Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S.

Ngoài ra cụ ông Vũ Văn M, cụ bà Nguyễn Thị S không có người vợ, người chồng, không có con riêng, con nuôi, nào khác; cha mẹ ruột của hai cụ đã chết từ trước.

Bị đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất với lời trình bày của bà M về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của vợ chồng cụ ông Vũ Văn M, cụ bà Nguyễn Thị S; ông Trung, ông M; thời điểm chết của những người này, không có tranh chấp về hàng, diện thừa kế. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

- Căn cứ quy định điểm A mục III Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp thừa kế thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Vũ Văn M là cụ bà Nguyễn Thị S, Bà Vũ Thị M, Ông Võ Quang Tr, ông Vũ Quang Tr, ông Vũ Quang M, Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Nguyễn Thị S gồm: Bà Vũ Thị M, Ông Võ Quang Tr, Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Quang Tr gồm: Bà Trương Thị Kh, Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Thúy V, Anh Vũ Huy H, Anh Vũ Nhật Kh.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Quang M gồm: Bà Nguyễn Thị L, Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V.

- Căn cứ Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Thúy V, Anh Vũ Huy H, Anh Vũ Nhật Kh; Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V là những người thuộc hàng thừa kế thế vị của cụ Sáng.

[2.2] Xét về di sản thừa kế:

Căn nhà có diện tích 170m^2, được xây dựng từ năm 1973 được xây dựng trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp (tổng diện tích đất đo đạc là 1.514,9m^2), thuộc thửa đất 395, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L; đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng vì chưa đóng nghĩa vụ tài chính với nhà nước nên gia đình cụ Sáng chưa nhận được Giấy chứng nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất nói có nguồn gốc là của cụ ông Vũ Văn M và cụ bà Nguyễn Thị S. Do vậy căn cứ vào quy định tại Điều

92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và xác định căn nhà tọa lạc trên diện tích đất nói trên là tài sản chung của vợ chồng cụ ông Vũ Văn M và cụ bà Nguyễn Thị S. Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau: Giao cho ông S quản lý, sử dụng lô đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 trên họa đồ đo đạc, tổng diện tích là 723,4m^2; giao cho bà M quản lý, sử dụng diện tích đất vị trí số 1b, 3 và 5 trên họa đồ đo đạc, tổng diện tích là 646,4m^2 (trong đó có 10,3m^2 đất thuộc lộ giới). Phần chênh lệch ông S và bà M không tranh chấp gì, vị nào của ai người đó nhận theo họa đồ đo đạc đã thể hiện; các đương sự khác đồng ý và không tranh chấp đối với phần diện tích đất này.

Đối với các diện tích đất 112,7m^2 thuộc vị trí số 2 và 32,4m^2 thuộc vị trí 1a có diện tích theo họa đồ đo đạc các đương sự thống nhất giao cho bà M quản lý, sử dụng và bà M có trách nhiệm thanh toán giá trị lô đất theo giá thị trường cho các đồng thừa kế khác. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức của xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

[2.3.] Theo hồ sơ thể hiện cũng như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh L thực hiện ngày 05/11/2021 thì trên diện tích đất tranh chấp có 02 căn nhà cấp 04, hiện nay 01 căn gia đình ông S đang sử dụng; 01 căn nhà do bà M sử dụng, ngăn đôi giữa căn nhà đã có tường xây, ranh giới rõ ràng; phần đất phía sau là đất trống, 01 phần đất bên hông hiện trạng là đất trống; các đương sự trình bày vẫn giữ nguyên hiện trạng từ trước đến nay, không thay đổi gì; theo kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 16/01/2023 thì tổng diện tích đo đạc thực tế là 1.514,9m^2 (trong đó có 40,6m^2 đất thuộc lộ giới đường T, diện tích đất còn lại là 1.174,3m^2). Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất kết quả đo vẽ nói trên, đồng thời thống nhất kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thực hiện ngày 23/02/2023 giá trị quyền sử dụng đất là 16.209.337.000đ. Do đó Tòa án căn cứ vào kết quả đo vẽ và chứng thư thẩm định giá mà các đương sự đã thống nhất để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế:

Theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 16/01/2023 thì diện tích đất hiện nay là thực tế là 1.514,9m^2 (trong đó có 40,6m^2 đất thuộc lộ giới đường T, diện tích đất còn lại là 1.174,3m^2). Do các đương sự đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các bên như đã nêu trên.

Do ông Vũ Quang Tr đã chết vào năm 1993 nên cần giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trung gồm: Bà Trương Thị Kh, Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Thúy V, Anh Vũ Huy H, Anh Vũ Nhật Kh quản lý, sử dụng kỷ phần thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông Trung được hưởng của cụ ông ông Vũ Văn M.

Bà Nguyễn Thị L, Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V được hưởng kỷ phần thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông Vũ Quang M được hưởng của cụ ông Vũ Văn M.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì các con của ông Trung đồng ý giao kỷ phần thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông Trung được hưởng cho mẹ là bà Kh; các con của ông M đồng ý giao kỷ phần thừa kế mà lẽ ra khi còn sống ông M được hưởng cho mẹ là bà Lâm; xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

Như vậy, diện tích đất thực tế là 1.514,9m^2 (trong đó có 40,6m^2 đất thuộc lộ giới đường T, diện tích đất còn lại là 1.174,3m^2), thuộc thửa 395, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L; trị giá là 16.209.337.000đ; được các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Giao cho ông S quản lý, sử dụng lô đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 trên họa đồ đo đạc, tổng diện tích là 723,4m^2 (trong đó có 27m^2 đất thuộc lộ giới). Giao cho bà M quản lý, sử dụng diện tích đất vị trí số 1b, 3 và 5 trên họa đồ đo đạc, tổng diện tích là 646,4m^2 (trong đó có 10,3m^2 đất thuộc lộ giới).

Đối với các diện tích đất 112,7m^2 thuộc vị trí số 02 và 32,4m^2 thuộc vị trí 1a có diện tích theo họa đồ đo đạc thì giá trị cụ thể như sau:

+ Diện tích 112,7m^2 x 9.400.000đ = 1.059.380.000đ.

+ Diện tích 29,1m^2 x 9.400.000đ = 273.540.000đ.

+ Diện tích 3,3m^2 thuộc lộ giới: 3,3m^2 x 195.000đ = 643.500đ.

Tổng giá trị diện tích đất thuộc vị trí 1a và số 02 có giá trị là 1.333.563.500đ/7.

Như vậy mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 190.509.000đ (làm tròn).

Đối với căn nhà cấp 4 trên đất của bà M, ông S, do đã xuống cấp và các bên cũng không tranh chấp nên không đề cập.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị M; chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông Vũ Quang M, Bà Nguyễn Thị L để ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá hết 89.721.300đ. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận bà M và ông S mỗi bên chịu ½ chi phí nói trên. Do bà M đã tạm nộp và đã được Tòa án quyết toán xong nên buộc ông S phải thanh toán lại cho bà M số tiền 44.860.650đ.

[6] Về án phí:

Lẽ ra Bà Vũ Thị M, Ông Vũ Hoàng S, Ông Vũ Quang M, Bà Nguyễn Thị L, Bà Trương Thị Kh, Bà Nguyễn Thị L, Bà Vũ Thị Tuyết S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận. Tuy nhiên Bà Vũ Thị M, sinh năm: 1949, Ông Vũ Hoàng S, sinh năm: 1961, Ông Vũ Quang M, sinh năm: 1955, Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1957; Bà Trương Thị Kh, sinh năm: 1955; Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1957; Bà Vũ Thị Tuyết S, sinh năm: 1957; tính đến nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho các đương sự nói trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 100, 106 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các khoản 4, 5, 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thi Mầu về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với Ông Vũ Hoàng S.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông Vũ Quang M, Bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế:

1.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Vũ Văn M gồm cụ bà Nguyễn Thị S, Bà Vũ Thị M, Ông Võ Quang Tr, ông Vũ Quang Tr, ông Vũ Quang M, Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S.

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Nguyễn Thị S gồm: Bà Vũ Thị M, Ông Võ Quang Tr, Ông Vũ Quang M, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S.

1.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Quang Tr là: Bà Trương Thị Kh, Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Thúy V, Anh Vũ Huy H, Anh Vũ Nhật Kh.

1.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Quang M là: Bà Nguyễn Thị L, Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V.

1.5. Xác định Chị Vũ Thị Diễm Th, Anh Vũ Đức D, Chị Vũ Thị Thúy V, Anh Vũ Huy H, Anh Vũ Nhật Kh; Chị Vũ Thị Yến L, Anh Vũ Minh T, Chị Vũ Ngọc Thảo V là những người thuộc hàng thừa kế thế vị của cụ Sáng.

2. Xác định căn nhà có diện tích 170m^2, được xây dựng từ năm 1973 trên diện tích 330m^2 đất ở và 1.587m^2 đất nông nghiệp (tổng diện tích đất đo đạc thực tế là 1.514,9m^2), thuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại đường T, phường L, thành phố B, tỉnh L là di sản thừa kế của cụ ông Vũ Văn M và cụ bà Nguyễn Thị S để lại, có giá trị là 16.209.337.000đ.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể:

3.1. Giao cho Ông Vũ Hoàng S quản lý, sử dụng lô đất cùng tài sản trên đất thuộc vị trí số 1c, 4 và 6 theo họa đồ thỏa thuận phân chia đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 16/01/2023, tổng diện tích là 696,4m^2; tạm giao cho ông S quản lý, sử dụng 27m^2 đất thuộc lộ giới; tất cả thuộc một phần thửa số 395, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh L; cụ thể:

- Vị trí số 1c có diện tích 97,1m^2 (trong đó có 27m^2 nằm trong lộ giới); trên đất có căn nhà gạch có diện tích là 36,5m^2; phần nhà nằm trong lộ giới có diện tích là 2,2m^2;

- Vị trí số 4 có diện tích 201,3m^2; trên đất có một phần căn nhà gạch (g2) có diện tích 140,5m^2 và nhà vệ sinh (Wc) có diện tích 4,5m^2, nhà tạm có diện tích 17m^2;

- Vị trí số 6 có diện tích 425m^2; trên đất có căn nhà gạch (g4) có diện tích 63,7m^2.

3.2. Giao cho Bà Vũ Thị M quản lý, sử dụng lô đất cùng tài sản trên đất thuộc vị trí số 1b, 3 và 5 theo họa đồ thỏa thuận phân chia đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn

A thực hiện ngày 16/01/2023, tổng diện tích là 636,1m^2; tạm giao cho bà M quản lý, sử dụng 10,3m^2 đất thuộc lộ giới; tất cả thuộc một phần thửa số 395, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh L; cụ thể:

- Vị trí số 1b có diện tích 53,3m^2 (trong đó có 10,3m^2 nằm trong lộ giới);

- Vị trí số 3 có diện tích 181,9m^2; trên đất có một phần căn nhà gạch (g2) có diện tích là 96,3m^2, căn nhà gạch (g3) có diện tích 43,1m^2;

- Vị trí số 5 có diện tích 411,2m^2; trên đất có một phần căn nhà gạch (g4) có diện tích là 21,8m^2.

3.3. Giao cho Bà Vũ Thị M quản lý, sử dụng lô đất cùng tài sản trên đất thuộc vị trí số 1a và 2 theo họa đồ thỏa thuận phân chia đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện ngày 16/01/2023, tổng diện tích là 141,8m^2; tạm giao cho bà M quản lý, sử dụng 3,3m^2 đất thuộc lộ giới; tất cả thuộc một phần thửa số 395, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường L, thành phố B, tỉnh L; cụ thể:

- Vị trí số 1a có diện tích 32,4m^2 (trong đó có 3,3m^2 nằm trong lộ giới);

- Vị trí số 2 có diện tích 112,7m^2.

Phần đất tạm giao thì đương sự được quản lý, sử dụng. Khi cơ quan có thẩm quyền có chủ trương thu hồi thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất và họa đồ thỏa thuận phân chia thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn A thực hiện kèm theo).

4. Bà Vũ Thị M và Ông Vũ Hoàng S được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đối với đất và tài sản trên đất được nhận theo quy định của pháp luật.

5. Bà Vũ Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Ông Vũ Quang M, Ông Võ Quang Tr, Bà Trương Thị Kh, Bà Nguyễn Thị L, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S mỗi người 190.509.000đ (một trăm chín mươi triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

6. Về chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị M và Ông Vũ Hoàng S mỗi bên phải chịu 44.860.650đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

Ông S phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà M số tiền 44.860.650đ (bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

7. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Vũ Thị M, Ông Vũ Quang M, ông Vũ Quang Triệu, Bà Trương Thị Kh, Bà Nguyễn Thị L, Bà Vũ Thị Tuyết S, Ông Vũ Hoàng S.

8. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

9. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND tỉnh L (01);
- Phòng KT - NV &THA (01);
- Cục THADS tỉnh L (01);
- Đương sự (24);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch